

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 35

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4602000250, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 4 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 5 năm 2010.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gỗ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có bốn (4) chi nhánh:

- ▶ Chi nhánh Long Mỹ tại địa chỉ Số 79A, Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Vị Thanh tại địa chỉ 295, Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Bà Rịa tại địa chỉ 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng tại địa chỉ Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Thu Dung	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2019
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng được Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 01/2019/DTL-NQHĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61520419/21270593

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		449.209.711.023	997.934.560.776
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	9.331.885.628	1.922.656.169
111	1. Tiền		1.853.004.028	1.922.656.169
112	2. Tương đương tiền		7.478.881.600	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		141.745.842.887	563.430.582.667
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	31.479.690.750	226.856.072.810
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.819.512.473	1.972.912.862
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	131.227.041.406	357.468.050.515
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(22.780.401.742)	(22.866.453.520)
140	III. Hàng tồn kho	7	297.627.718.554	425.559.299.383
141	1. Hàng tồn kho		314.430.996.399	425.559.299.383
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.803.277.845)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		504.263.954	7.022.022.557
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		134.516.669	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	369.747.285	7.022.022.557
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.019.190.184.330	1.042.261.856.848
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		181.072.687.276	181.072.687.276
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	181.072.687.276	181.072.687.276
220	II. Tài sản cố định		17.246.184.160	21.019.412.139
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	7.262.094.118	10.653.819.996
222	Nguyên giá		70.160.275.090	70.160.275.090
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(62.898.180.972)	(59.506.455.094)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	9.984.090.042	10.365.592.143
228	Nguyên giá		14.305.527.730	14.305.527.730
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.321.437.688)	(3.939.935.587)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.240.319.047
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.240.319.047
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	780.866.943.676	795.349.364.992
251	1. Đầu tư vào công ty con		804.194.000.000	804.194.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.477.795	68.477.795
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(23.395.534.119)	(8.913.112.803)
260	V. Tài sản dài hạn khác		40.004.369.218	42.580.073.394
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	39.998.080.819	41.140.860.355
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	6.288.399	1.439.213.039
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.468.399.895.353	2.040.196.417.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		461.615.989.210	948.803.032.540
310	I. Nợ ngắn hạn		461.615.989.210	917.133.032.540
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	26.699.922.538	63.955.554.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	8.642.436.937	3.222.517.776
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	73.415	9.012.785
314	4. Phải trả người lao động		329.346.460	1.353.003.255
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.045.515.042	3.114.942.661
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	328.234.547.679	50.754.727.014
320	7. Vay ngắn hạn	17	85.183.874.877	784.814.729.811
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	9.480.272.262	9.908.544.262
330	II. Nợ dài hạn		-	31.670.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	-	31.670.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.006.783.906.143	1.091.393.385.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.006.783.906.143	1.091.393.385.084
411	1. Vốn cổ phần		614.356.040.000	614.356.040.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		614.356.040.000	614.356.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		166.825.342.471	166.825.342.471
415	3. Cổ phiếu quỹ		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		45.333.608.304	45.333.608.304
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.409.121.366	2.409.121.366
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		192.340.937.517	276.950.416.458
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		276.950.416.458	126.976.125.614
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(84.609.478.941)	149.974.290.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.468.399.895.353	2.040.196.417.624

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	525.133.183.074	1.999.199.179.518
11	2. Giá vốn hàng bán	20	(530.283.448.027)	(1.942.080.444.728)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		(5.150.264.953)	57.118.734.790
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	63.370.995	190.954.558.619
22	5. Chi phí tài chính	21	(38.714.487.413)	(49.746.629.489)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.192.118.934)	(40.029.549.237)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(24.035.251.211)	(29.164.139.933)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(10.562.326.787)	(16.071.518.252)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(78.398.959.369)	153.091.005.735
31	9. Thu nhập khác		51.759.383	43.193.594
32	10. Chi phí khác	23	(4.829.354.309)	(3.416.286.905)
40	11. Lỗ khác		(4.777.594.926)	(3.373.093.311)
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(83.176.554.295)	149.717.912.424
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	(757.930.357)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.1	(1.432.924.646)	1.014.308.777
60	15. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(84.609.478.941)	149.974.290.844


Lê Ngọc Khang
Người lập kiểm Kế toán trưởng


Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(83.176.554.295)	149.717.912.424
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	3.773.227.979	3.964.535.375
03	Các khoản dự phòng		31.199.647.383	4.986.352.124
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	93.663.250
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(1.656.463)	(189.916.239.626)
06	Chi phí lãi vay	21	24.192.118.934	40.029.549.237
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(24.013.216.462)	8.875.772.784
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		428.423.066.824	(351.212.368.735)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		111.128.302.984	(76.646.405.716)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		239.906.170.667	(81.856.671.302)
12	Giảm chi phí trả trước		1.008.262.867	1.143.693.911
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.556.205.997)	(39.443.003.208)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.935.323.411)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(428.272.000)	(524.657.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		736.468.108.883	(543.598.962.677)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.240.319.047	-
24	Tiền thu hồi các công cụ nợ		-	3.800.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được	19.2	1.656.463	189.916.239.626
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.241.975.510	193.716.239.626
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	240.247.947.615	1.817.567.980.151
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(971.548.802.549)	(1.478.670.200.848)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(731.300.854.934)	338.897.779.303

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.409.229.459	(10.984.943.748)
60	Tiền đầu năm		1.922.656.169	12.913.469.707
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(5.869.790)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	9.331.885.628	1.922.656.169


Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4602000250, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 4 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 5 năm 2010.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có bốn (4) chi nhánh:

- ▶ Chi nhánh Long Mỹ tại địa chỉ Số 79A, Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
- ▶ Chi nhánh Vị Thanh tại địa chỉ 295, Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Bà Rịa tại địa chỉ 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng tại địa chỉ Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 71 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 137).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 42 năm
Phần mềm	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi HĐQT của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	80.942.158	262.249.287
Tiền gửi ngân hàng	1.772.061.870	1.660.406.882
Tương đương tiền	7.478.881.600	-
TỔNG CỘNG	9.331.885.628	1.922.656.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	23.149.831.069	29.296.824.012
<i>PT Blue Steel Industries</i>	8.600.606.559	8.616.611.496
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Bảo An</i>	-	3.918.565.757
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tôn Tân Thành</i>	2.896.315.858	2.896.315.858
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Tuấn</i>	1.023.311.483	1.023.311.483
<i>Tập đoàn Sumitomo</i>	1.203.962.738	-
<i>Khác</i>	9.425.634.431	12.842.019.418
Phải thu bên các liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	<u>8.329.859.681</u>	<u>197.559.248.798</u>
TỔNG CỘNG	31.479.690.750	226.856.072.810
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(19.764.864.802)</u>	<u>(19.850.916.580)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.714.825.948</u>	<u>207.005.156.230</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.850.916.580	15.847.809.424
Dự phòng trích lập trong năm	<u>(86.051.778)</u>	<u>4.003.107.156</u>
Số cuối năm	<u>19.764.864.802</u>	<u>19.850.916.580</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	199.256.749	-
Trả trước cho các bên khác	<u>1.620.255.724</u>	<u>1.972.912.862</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.819.512.473</u>	<u>1.972.912.862</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	128.630.451.348	353.191.737.952
Khác	<u>2.596.590.058</u>	<u>4.276.312.563</u>
TỔNG CỘNG	131.227.041.406	357.468.050.515
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(3.015.536.940)</u>	<u>(3.015.536.940)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>128.211.504.466</u>	<u>354.452.513.575</u>
Dài hạn		
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	<u>181.072.687.276</u>	<u>181.072.687.276</u>
TỔNG CỘNG	<u>309.284.191.742</u>	<u>535.525.200.851</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	201.205.399.856	275.237.999.992
Thành phẩm	64.964.657.757	53.714.378.914
Nguyên liệu, vật liệu	27.488.610.976	58.502.117.810
Công cụ dụng cụ	19.564.272.093	20.272.915.839
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.207.455.717	816.176.557
Hàng đang đi trên đường	<u>600.000</u>	<u>17.015.710.271</u>
TỔNG CỘNG	314.430.996.399	425.559.299.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(16.803.277.845)</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>297.627.718.554</u>	<u>425.559.299.383</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm và số cuối năm	46.932.445.287	17.931.484.465	4.884.312.360	412.032.978	70.160.275.090
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>					
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(41.376.859.448)	(13.109.917.380)	(4.643.951.269)	(375.726.997)	(59.506.455.094)
Khấu hao trong năm	(2.253.736.026)	(899.451.952)	(224.919.904)	(13.617.996)	(3.391.725.878)
Số cuối năm	(43.630.595.474)	(14.009.369.332)	(4.868.871.173)	(389.344.993)	(62.898.180.972)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	5.555.585.839	4.821.567.085	240.361.091	36.305.981	10.653.819.996
Số cuối năm	3.301.849.813	3.922.115.133	15.441.187	22.687.985	7.262.094.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>13.730.727.730</u>	<u>574.800.000</u>	<u>14.305.527.730</u>
<i>Trong đó:</i> <i>Đã khấu hao hết</i>		-	
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(3.596.652.258)	(343.283.329)	(3.939.935.587)
Khấu hao trong năm	<u>(285.702.105)</u>	<u>(95.799.996)</u>	<u>(381.502.101)</u>
Số cuối năm	<u>(3.882.354.363)</u>	<u>(439.083.325)</u>	<u>(4.321.437.688)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>10.134.075.472</u>	<u>231.516.671</u>	<u>10.365.592.143</u>
Số cuối năm	<u>9.848.373.367</u>	<u>135.716.675</u>	<u>9.984.090.042</u>
<i>Trong đó:</i> <i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	1.519.833.266	-	1.519.833.266

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước (*)	<u>39.998.080.819</u>	<u>41.140.860.355</u>
(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3 theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.		

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.1)	780.798.465.881	795.280.887.197
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>68.477.795</u>	<u>68.477.795</u>
TỔNG CỘNG	<u>780.866.943.676</u>	<u>795.349.364.992</u>

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (i)	Sản xuất và mua bán tôn, thép	Đang hoạt động	100	795.000.000.000 (14.201.534.119)	100	795.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc (ii)	Sản xuất tôn, dầm gỗ, kinh doanh thép	Dừng hoạt động	100	9.194.000.000 (9.194.000.000)	100	9.194.000.000 (8.913.112.803)
TỔNG CỘNG				804.194.000.000 (23.395.534.119)		804.194.000.000 (8.913.112.803)

(i) Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3701295237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, và có trụ sở chính đăng ký tại Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của Thép Đại Thiên Lộc là sản xuất thép.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3701295519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, và có trụ sở chính đăng ký tại Ô 2, Lô A, Đường 22, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	14.101.146.539	15.824.228.602
Phải trả các bên khác	12.598.775.999	48.131.326.374
<i>Shenzhen one Touch Business</i>	8.081.839.791	8.192.135.506
<i>Xưởng cơ khí Huê Thành</i>	1.210.000.000	1.210.000.000
<i>Golden Source Steel Trading (HK) Co., Ltd</i>	-	17.015.110.271
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Huy</i>	-	8.394.820.445
<i>Công ty TNHH Vật liệu hợp kim JiaLong (Việt Nam)</i>	-	6.450.123.287
<i>Khác</i>	3.306.936.208	6.869.136.865
TỔNG CỘNG	<u>26.699.922.538</u>	<u>63.955.554.976</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	5.395.439.373	-
Các bên khác	3.246.997.564	3.222.517.776
<i>Avic International Steel Trade (HK) Co., Ltd</i>	1.725.249.725	-
<i>Khác</i>	1.521.747.839	3.222.517.776
TỔNG CỘNG	<u>8.642.436.937</u>	<u>3.222.517.776</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	7.022.022.557	41.857.877.762	(48.510.153.034)	369.747.285
TỔNG CỘNG	<u>7.022.022.557</u>	<u>41.857.877.762</u>	<u>(48.510.153.034)</u>	<u>369.747.285</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	9.012.785	82.811.590	(91.750.960)	73.415
TỔNG CỘNG	<u>9.012.785</u>	<u>82.811.590</u>	<u>(91.750.960)</u>	<u>73.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.314.592.403	1.314.592.403
Chi phí lương tháng 13	1.306.892.695	1.306.892.695
Khác	424.029.944	493.457.563
TỔNG CỘNG	<u>3.045.515.042</u>	<u>3.114.942.661</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	326.683.700.416	47.037.118.376
Khác	1.550.847.263	3.717.608.638
TỔNG CỘNG	<u>328.234.547.679</u>	<u>50.754.727.014</u>

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân loại lại	Giảm trong năm	VND	
					Số cuối năm	Số cuối năm
Ngắn hạn	784.814.729.811	240.247.947.615	24.020.000.000	(963.898.802.549)	85.183.874.877	
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	784.814.729.811	240.247.947.615	-	(963.898.802.549)	61.163.874.877	
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 17.2)	-	-	24.020.000.000	-	24.020.000.000	
Dài hạn	31.670.000.000	-	(24.020.000.000)	(7.650.000.000)	-	
Vay dài hạn bên liên quan	31.670.000.000	-	(24.020.000.000)	(7.650.000.000)	-	
TỔNG CỘNG	816.484.729.811	240.247.947.615	-	(971.548.802.549)	85.183.874.877	
17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng						
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	61.163.874.877	27 tháng 7 năm 2020	7% - 8,5%	Hàng hóa, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Công ty, 7.181.775 cổ phiếu DTL thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Bổ sung vốn lưu động	
TỔNG CỘNG	61.163.874.877					
17.2 Vay ngắn hạn bên liên quan						
Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	24.020.000.000	31 tháng 1 năm 2020	Không có	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động	

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Năm trước								
Số đầu năm	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	35.267.773.055	2.473.121.366	143.081.462.013	947.522.595.390	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	149.974.290.844	149.974.290.844	
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển trong năm	-	-	-	10.065.835.249	-	(10.065.835.249)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.039.501.150)	(6.039.501.150)	
Chi khác	-	-	-	-	(64.000.000)	-	(64.000.000)	
Số cuối năm	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	276.950.416.458	1.091.393.385.084	
Năm nay								
Số đầu năm	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	276.950.416.458	1.091.393.385.084	
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(84.609.478.941)	(84.609.478.941)	
Số cuối năm	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	192.340.937.517	1.006.783.906.143	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213	47,56
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	8.353.070	13,60
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952	12,86
Bà Nguyễn Thanh Loan	6.244.378	10,16
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	2.619.580	4,26
Cổ đông khác	7.098.411	11,56
TỔNG CỘNG	61.435.604	100

18.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	61.435.604	61.435.604
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	804.620	804.620
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.630.984	60.630.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU BÁN HÀNG

19.1 Doanh thu bán hàng hóa

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa	469.620.538.972	1.933.033.875.331
Doanh thu bán công cụ dụng cụ	55.042.583.443	57.908.540.316
Doanh thu bán phế liệu	470.060.659	8.256.763.871
DOANH THU THUẦN	525.133.183.074	1.999.199.179.518
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	433.744.704.348	1.775.821.943.139
<i>Doanh thu các bên khác</i>	91.388.478.726	223.377.236.379

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.656.463	1.246.301.426
Lãi chênh lệch tỷ giá	61.714.532	813.086.799
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	188.669.938.200
Khác	-	225.232.194
TỔNG CỘNG	63.370.995	190.954.558.619

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa	477.705.831.982	1.915.050.386.055
Giá vốn bán vật tư, công cụ dụng cụ	52.577.616.045	19.573.224.789
Giá vốn khác	-	7.456.833.884
TỔNG CỘNG	530.283.448.027	1.942.080.444.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.192.118.934	40.029.549.237
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	14.482.421.316	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.505.199	9.301.628.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.441.964	403.404.934
Khác	-	12.046.430
TỔNG CỘNG	<u>38.714.487.413</u>	<u>49.746.629.489</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	24.035.251.211	29.164.139.933
Chi phí quảng cáo	17.960.329.052	20.793.960.136
Chi phí vận chuyển	1.344.763.869	1.849.642.090
Chi phí đóng gói	1.183.814.386	125.035.892
Chi phí nhân viên	652.679.983	2.589.957.983
Khác	2.893.663.921	3.805.543.832
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.562.326.787	16.071.518.252
Chi phí nhân viên	7.664.631.042	6.657.317.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	765.642.039	2.750.932.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	487.994.341	601.881.941
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(86.051.778)	4.986.352.124
Khác	1.730.111.143	1.075.034.351
TỔNG CỘNG	<u>34.597.577.998</u>	<u>45.235.658.185</u>

23. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	2.316.987.246	2.201.950.317
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	168.411.601
Khác	2.512.367.063	1.045.924.987
TỔNG CỘNG	<u>4.829.354.309</u>	<u>3.416.286.905</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.189.472.818	49.744.223.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.485.818.362	8.537.454.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 8, 9)	968.246.388	1.168.423.695
Chi phí nhân công	38.055.061	737.266.896
Khác	78.466.807	115.952.750
TỔNG CỘNG	<u>43.760.059.436</u>	<u>60.303.320.772</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN phát sinh cho các năm trước	-	757.930.357
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.432.924.646	(1.014.308.777)
TỔNG CỘNG	<u>1.432.924.646</u>	<u>(256.378.420)</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(83.176.554.295)</u>	<u>149.717.912.424</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(16.635.310.860)	29.943.582.485
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	(38.133.824.069)
Chi phí không được khấu trừ	5.808.032.311	1.783.298.888
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN phát sinh cho các năm trước	-	757.930.357
Lỗ chưa tính thuế hoãn lại	12.260.203.195	6.406.942.696
Khác	-	(1.014.308.777)
Chi phí thuế TNDN	<u>1.432.924.646</u>	<u>(256.378.420)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.395.932.895	(1.395.932.895)	997.270.424
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.288.399	43.280.144	(36.991.751)	43.280.144
Khác	-	-	-	(26.241.791)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	6.288.399	1.439.213.039		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(1.432.924.646)	1.014.308.777

25.4 Lỗi thuế chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 106.390.774.837 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 32.034.713.479 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
2018 (*)	2023	32.034.713.479	-	32.034.713.479
2019 (*)	2024	50.556.106.627	-	50.556.106.627
TỔNG CỘNG		82.590.820.106	-	82.590.820.106

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Bán hàng	184.984.917.783	920.998.951.496
		Mua hàng	108.697.909.940	-
Công ty Cơ khí và Xây dựng DTL	Cổ đông lớn	Bán hàng	89.643.368.614	168.370.802.378
		Mua hàng	616.100.489	74.352.992.600
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Vay	317.168.000.000	-
		Trả nợ gốc	80.619.040.000	-
		Bán hàng	159.116.417.951	686.452.189.265
		Mua hàng	131.501.948.529	329.099.945.974
		Thu nhập cổ tức	-	188.669.938.200
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Trả nợ gốc	7.650.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Cổ đông/ Đồng sở hữu	Bán hàng hóa	5.743.108.183	7.208.814.892
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	178.410.185.532
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa	1.939.313.020	11.292.809.896
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa	647.438.478	647.438.478
			8.329.859.681	197.559.248.798
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Cho mượn	127.677.249.268	352.243.635.872
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Cổ đông/ Đồng sở hữu	Cho mượn	948.102.080	948.102.080
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Cho mượn	5.100.000	-
			128.630.451.348	353.191.737.952
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Cho mượn	181.072.687.276	181.072.687.276
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Mua hàng	199.256.749	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

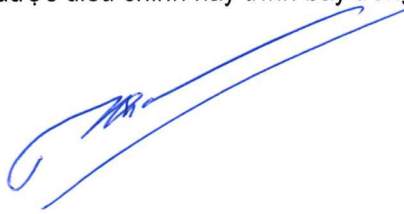
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải trả người bán (Thuyết minh số 12)					
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Mua hàng hóa	13.870.905.620	12.125.677.468	
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Cổ đông/ Đồng sở hữu	Mua hàng hóa	230.240.919	3.698.551.134	
			14.101.146.539	15.824.228.602	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13)					
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng	5.395.439.373	-	
Phải trả khác (Thuyết minh số 16)					
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Tạm ứng chi phí hoạt động	282.202.296.725	44.960.515.890	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Tạm ứng chi phí hoạt động	42.854.348.794	449.547.589	
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con	Tạm ứng chi phí hoạt động	1.627.054.897	1.627.054.897	
			326.683.700.416	47.037.118.376	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)					
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Vay	24.020.000.000	-	
Vay dài hạn (Thuyết minh số 17)					
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Vay	-	31.670.000.000	
Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:					
				VND	
				<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			1.958.558.200	792.093.500	

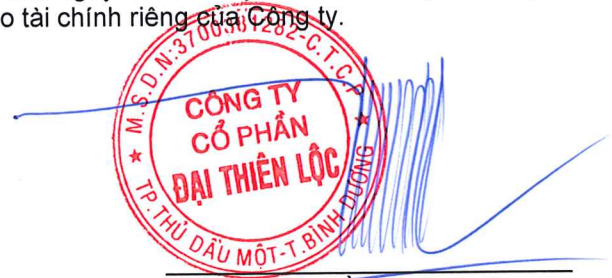
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2019 Ernst & Young Vietnam Limited
All Rights Reserved.

ey.com